Quyển 9 (Kinh số 230 - 255)

Kinh Tạp A-Hàm (HT Thiện Siêu & HT Thanh Từ - VNC PHVN, 2022)

180 KINH TẠPA-HÀM

KINH SỐ 230 Tôi nghe như vay: Một thời, Phật trú tại nước Xá-vệ9 rừng Kỳ-đà? trong vườn cấp Cô Độc. Khi ấy, có Tỳ-kheo tên là Tam-di-li-đề đến chỗ Phật, cúi đầu lễ chân Phật, rồi ngồi qua một bên, bạch Phật: Bạch Thế Tôn, nói là thế gian, thế nào gọi là thế gian? Phật bảo Tam-di-li-đề: -Nghĩa là mắt, sắc và thức, ba sự hòa hợp thành nhãn xúc, nhãn xúc làm nhân duyên sanh ra cảm thọ bên trong biêt hoặc khô, hoặc vui, hoặc không khô không vui. Tai... mũi... lưỡi... thân... ý, pháp, ý thức, ba sự hòa hợp thành ý xúc, ý xúc làm nhân duyên sanh ra cảm thọ bên trong biết hoặc khổ, hoặc vui, hoặc không khổ không vui. Đó gọi là thế gian. Vì cớ sao? Vì sáu nhập xứ tập thì xúc tập, như thế cho đến thuần đại khổ tụ tập. Này Tam-di-li-đề, nếu không có mắt, không có sắc, không có nhãn thức thì không có nhãn xúc, không có nhãn xúc làm nhân duyên sanh ra cảm thọ bên trong biết hoặc kho, hoặc vui, hoặc không kho không vui. Không có tai... mũi... lưỡi... thân... ý? pháp và thức, ba sự hòa hợp thành ý xúc thì không có ý xúc làm nhân duyên sanh ra cảm thọ bên trong biết hoặc khổ, hoặc vui, hoặc không khổ không vui, và không có the gian cũng không thi thiết ra the gian. Vì cớ sao? Vì sáu nhập xứ diệt thì xúc diệt, như thế cho đến thuần đại khổ tụ diệt. Phật nói kinh này xong, các Tỳ-kheo nghe lời Phật dạy, hoan hỷ phụng hành. (Giông như thê gian; chủng sanh, ma cũng nói như thê).

KINH SỐ 231 Tôi nghe như vầy: Một thời, Phật tru tại nước Xá-vệ? rừng Kỳ-đà9 trong vườn cấp Cô Độc. Khi ấy, có Tỳ-kheo Tam-di-li-đề đến chỗ Phật, cúi đầu lễ chân Phật, rồi ngồi qua một bên, bạch Phật: -Bạch Thế Tôn, nói là thế gian, thế nào gọi là thế gian? Phật bảo Tam-di-li-đề: Nguy khốn, hư hoại, đó gọi là thế gian. Thế nào là nguy khốn, hư hoại? Này Tam-di-li-dề, mắt là pháp nguy khốn, hư hoại. Nếu sắc, mắt và nhãn thức, ba sự hòa hợp thành nhãn xúc, nhãn xúc làm nhân duyên sanh ra cảm thọ bên trong biết hoặc khổ, hoặc vui, hoặc không khổ không vui; tất cả thứ ấy cũng là nguy khôn, hư hoại. Tai, mũi, lưỡi, thân, ý cũng lại như thế. Đó là những pháp nguy khốn, hư hoại nên gọi là thế gian. Phật nói kinh này xong, Tỳ-kheo Tam-di-li-đề nghe lời Phật dạy, hoan hỷ phụng hành.

KINH TẠP A-HÀM 181

KINH SỐ 232 Tôi nghe như vầy: Một thời, Phật tru tại nước Xá-vệ, rừng Kỳ-đà, trong vườn cấp Cô Độc. Khi ấy, có Tỳ-kheo Tam-di-li-đề đi đến chỗ Phật, cúi đầu lễ chân Phật, rồi ngồi qua một bên, bạch Phật: Bạch Thế Tôn, nói là thế gian không, thế nào là thế gian không? Phật bảo Tam-di-li-đề: -Mắt là không, pháp thường hằng khôn^ biến đổi là không, ngã sở là không. Vì sao? Vì tánh nó tự như vậy. Nêu săc? mắt và nhãn thức, ba sự hòa hợp thành nhãn xúc, nhãn xúc làm nhân duyên sanh ra cảm thọ bên trong biết, hoặc kho, hoặc vui, hoặc không khổ không vui, những thứ đó cũng không, pháp thường hằng không biến đổi là không, ngã sở là không. Vì sao? Vì tánh nó tự là như vậy. Tai, mũi, lưỡi, thân, ý cũng lại như thế. Đó gọi là thế gian không. Phật nói kinh này xong,

Tỳ-kheo Tam-di-li-đề nghe lời Phật dạy, hoan hỷ phụng hành.

KINH SỐ 233 Tôi nghe như vay: Một thời, Phật trú tại nước Xá-vệ, rừng Kỳ-đà, trong vườn cấp Cô Độc. Bây giơ, The Ton bao các Tỳ-kheo: -Nay Ta sẽ nói về thế gian, thế gian tập, thế gian diệt và thế gian đạo tích. Hãy lang nghe, khéo suy nghĩ. Thế nào là thế gian? Đó là sáu nội nhập xứ: Nhãn nội nhập xứ, nhĩ, tỷ, thiệt, thân, ý nội nhập xu. Thế nào là thế gian tập? Nghĩa là tương lai có ái, hỷ, tham, mỗi mỗi là nguyên nhân của tập nhân dính mắc. Thế nào thế gian diệt? Nghĩa là tương lai có ái, hỷ5 tham, mỗi mỗi là nguyên nhân dính mắc, đã dứt sạch không còn sót, đã bỏ hết, đã nhàm chán, đã sạch hết, đã xa lìa dục, tịch lặng và dừng nghỉ. Thế nào là thế gian diệt đạo tích? Đó là tám Thánh đạo: Chánh kiến, chánh chí, chánh ngữ, chánh nghiệp, chánh mạng, chánh phương tiện, chánh niệm, chánh định. Phật nói kinh này xong, các Tỳ-kheo nghe lời Phật dạy, hoan hỷ phụng hành.

KINH SỐ 234

Tôi nghe như vay:

Một thời, Phật tru tại nước Xá-vệ5 rừng Kỳ"đà? trong vườn cấp Cô Độc.

Bấy giờ, Thế Tôn bảo các Tỳ-kheo:

182 KINH TẠP A-HÀM

Ta không nói người đi đến tận cùng thế giới, Ta cũng không nói người không đi đến tận cùng thế giới mà được giải thoát khỏi khổ. Sau khi Thế Tôn hỏi như thế rồi, Ngài đi vào thất và thiền định. Khi ấy9 chúng Tỳ-kheo thấy Thế Tôn đi rồi, liền cùng nhau bàn luận: "Thế Tôn vừa rồi lược nói pháp rằng: 'Ta không nói người đi đến tận cùng thế giới, Ta cũng không nói người không đi đến tận cùnẹ thế giới mà được giải thoát khỏi khổ/ Ngài chỉ nói thế, rồi đi vào thất và thiên định. Chúng ta hiện tại đối với bài pháp mà Thế Tôn lược nói chưa hiểu rõ nghĩa lý. Trong hội chúng này, ai là người có khả năng giải nghĩa bài pháp ấy cho chúng ta?" Lại nói: "Chi có Tôn giả A-nan thông minh, trí tuệ, nhớ hét tất cả và thường theo hầu bên Thế Tôn, đức Thế Tôn thường khen ngợi Tôn giả là đa văn, Phạm hạnh, có thể giải thích rộng bài pháp của Thế Tôn lược nói cho chúng ta nghe. Chúng ta hãy đi đến chỗ Tôn giả A-nan và nhờ Tôn giả giải thích." Các Tỳ-kheo liền đi đến chỗ Tôn giả A-nan; sau khi thăm hỏi xong, các vị ấy ngồi một bên, đem hết bài pháp trên hỏi Tôn giả A-nan. Bấy giờ, Tôn giả A-nan bảo các Tỳ-kheo: r r Hãy lăng nghe, khéo suy nghĩ, tôi sẽ vì các Tôn giả giảng nói! Nêu là thê gian, như thế gian danh, thế gian giác, thế gian ngôn từ, thế gian ngữ thuyết, những thứ này đều vào thế gian số. Thưa các Tôn giả, nghĩa là mắt, là thế gian, thế gian danh, thế gian giác, thế gian ngôn từ, thế gian ngữ thuyết, những thứ này đều vào thế gian số. Tai, mũi, lưỡi, thân, ý cũng lại như thế. Đa văn Thánh đệ tử, đối với sáu nhập xứ, sự tập khỏi, đoạn diệt, vị ngọt, tai họa, xuất ly biết như thật. Đó gọi là Thánh đệ tử đi đến tận cùng thế giới, biết thế gian và những thứ nặng nề của thế gian, vượt qua thế gian. Tôn giả A-nan đọc bài kệ: Chăng phải người dạo đi, Được đến bờ thế giới, Không đến bờ thế giới, Không thể khỏi các khổ. Thê nên đức Mâu-ni, Gọi người biết thế gian, Đen được bờ thế giới, Các Phạm hạnh đã thành. Bờ thế giới chỉ c6, Chánh trí mới thật rõ, Giác tuệ đạt thế gian, Nên nói vượt bờ kia. Như thế, chư Tôn giả, đức Thế Tôn vừa rồi lược nói pháp

xong, liền vào thất ngồi thiền. Nay tôi đã vì các Tôn giả phân biệt, nói rộng. Tôn giả A-nan nói xong, các Tỳ-kheo nghe lời Tôn giả A-nan nói, hoan hỷ phụng hành.

KINH SỐ 235 Tôi nghe như vầy: Một thời, Phật trú tại nước Xá-vệ, rừng Kỳ-đà, trong vườn cấp Cô Độc.

KINH TẠP A-HÀM 183

Bấy giờ, Thế Tôn bảo các Tỳ-kheo: Có thầy, có đệ tử gần gũi thì ở riêng là khổ; không thầy, không đệ tử gần gũi thì ở riêng là vui. Thế nào là có thầy, có đệ tử gần gũi thì ở riêng là khổ? Đó là duyên mắt, thấy sắc sanh cảm giác ác9 bất thiện, cùng với tham, sân, si. Nấu Tỳ-kheo nào hành những pháp này thì gọi là có thầy; nếu dừng trụ nơi mé này thì gọi là có đệ tử gần gũi. Tai, mũi, lưỡi, thân, ý cũng lại như thế. Như vậy, có thầy, có đệ tử gần gũi thì ở riêng là khổ. Thế nào là không thầy, không đệ tử gần gũi, ở riêng thường được an vui? Nghĩa là duyên mắt thay sắc, sanh ra cảm giác ác, bất thiện, cùng với tham, sân, si. Vi Tỳ-kheo nào không làm theo thì gọi là không thầy; không nương theo thì gọi là không đệ tử gần gũi. Đó gọi là không thầy, không đệ tử gần gũi, ở riêng thường được an vui. Nêu Tỳ-kheo nào không thây, không đệ tử gân gũi, Ta nói họ được phước Phạm hạnh. Vì sao? Vì không thầy, không đệ tử, Tỳ-kheo ấy đối với Ta dựng lập Phạm hạnh, chơn chánh sạch hết khổ, rốt ráo khổ tập. Phật nói kinh này xong, các Tỳ-kheo nghe lời Phật dạy, hoan hỷ phụng hành.

KINH SỐ 236 Tôi nghe như vây: Một thời, Phật tru tại nước Xá-ve, rừng Kỳ-đà5 trong vườn cấp Cô Độc. Bây giờ, Tôn giả Xá-lợi-phât? sáng sớm đáp y, mang bát vào thành Xá-vệ khất thực, khất thực xong, trở về tinh xá, cất y bát, rửa chân xong, cầm tọa cụ vào rừng ngồi thiền. Sau khi ngồi thiền xong, Tôn giả Xá-lợi-phất đi đến chỗ Thế Tôn, cúi đầu lễ chân Phật, rồi ngồi xuống một bên. Khi ấy, Thế Tôn bảo Xá-lợi-phất: - Thầy từ đâu đến? Xá-lợi-phất đáp: Con từ trong rừng, ban ngày ngồi thiền xong, đến đây. Phật hỏi Xá-lợi-phất: Nay thây đang nhập những thiên gì? Xá-lợi-phất bạch Phật: Bạch Thế Tôn, nay con ở trong rừng, nhập vào thiền Không tam-muội. Phật bảo Xá-lợi-phất: -Lành thay! Lành thay, Xá-lợi-phất! Thầy nay an trụ cách tọa thiền bậc thượng mà tọa thiền. Nếu các Tỳ-kheo muốn nhập vào cách tọa thiền bậc thượng thì phải học như vầy: "Hoặc khi vào thành, hoặc khi đi khất thực, hoặc khi ra khỏi thành, phải tư duy thế này: 'Nay ta mắt thấy sắc, có khởi dục ái, yêu thích đắm mến chăng?9,9 Này Xá-lợi-phất, khởi quán như thế, nếu nhãn thức đối với sắc? có yêu mến đắm trước thì Tỳ-kheo ấy vì muốn đoạn ác bất thiện, nên

184 KINH TẠPA-HÀM

phải chuyên cần, dùng phương tiện kham năng buộc niệm để tu học. Ví dụ như có người bi lửa đốt cháy đầu, áo; vì muốn dập tắt lửa, nên phải nôn nóng dùng phương tiện để cứu chữa cho lửa tắt. Tỳ-kheo kia cũng lại như thế, phải chuyên cần, nôn nóng dùng phương tiện buộc niệm tu học. Nêu Tỳ-kheo quán sát, hoặc ở giữa đường, hoặc đi khất thực trong làng xóm, hoặc ra khỏi làng xóm, trong lúc đó5 nhãn thức đối với sắc, không có niệm ái nhiễm đắm trước, Tỳ-kheo ấy mong muốn dừng các căn tốt đẹp, an vui này, ngày đêm phải tinh cần, buộc niệm tu tập. Đó gọi là Tỳ-kheo di, đứng, nằm,

ngồi an tinh khất thực. Thế nên kinh này gọi là Thanh tịnh khất thực trụ. Phật nói kinh này xong, Tôn giả Xá-lợi-phất nghe lời Phật dạy, hoan hỷ phụng hành.

KINH SỐ 237 Tôi nghe như vây: Một thời, Phật trú tại nước Tỳ-xá-ly9 trong giảng đường Trùng Các, bên bờ ao Di Hầu. Khi ấy, có trưởng giả tên úc-cù-lũ, đi đến chỗ Phật, cúi đầu lễ chân Phật, rồi ngồi xuống một bên, bạch Phật: Bạch Thế Tôn, tại sao có Tỳ-kheo thấy pháp Bát-niết-bàn và có Tỳ-kheo không thấy pháp Bát-niết-bàn? Phật đáp: Nêu có Tỳ-kheo, nhãn thức đối với sắc, ái niệm nhiễm trước, vì ái niệm nhiễm trước nên thường nương theo phân biệt, và bị trói buộc hoặc chấp giữ có; do đó nên không thể thấy pháp Bát-niết-bàn. Tai, mũi, lưỡi, thân, ý cũng lại như vậy. Nếu Ty.kheo, nhãn thức đối với sắc, không yêu thích đắm trước, vì không yêu thích đắm trước nên không nương nơi phân biệt, không tiếp xúc, không dính mắc, không chấp thủ, Tỳ-kheo này được thấy pháp Bát-niết-bàn. Tai, mũi, lưỡi, thân, ý và pháp cũng lại như vậy. Thế nên, này trưởng giả, có Tỳ-kheo thấy pháp Bát-niết-bàn. (Giống như kỉnh trưởng giả hỏi, kinh A-nan hỏi và kỉnh Phật vì các Tỳ-kheo tự nói cũng nói như trên).

KINH SỐ 238

Tôi nghe như vầy:

Một thòi, Phật trú tại thành Tỳ-xá-ly, trong giảng đường Trùng Các, bên ao Di Hầu. J

KINH TẠP A-HÀM 185

Khi ấy, có Tỳ-kheo kia đi đến chỗ Phật, cúi đầu lễ chân Phật, rồi ngồi xuống một bên, bạch Phật: - Bạch Thế Tôn, do nhân gì, duyên gì nhãn thức sanh? Do nhân gì, duyên gì nhĩ thức, tỷ thức, thiệt thức, thân thức, ý thức sanh? Phật đáp: Do mắt duyên sắc, nhãn thức sanh. Vì sao? Vì nhãn thức sanh là do tất cả mắt và sắc làm nhân duyên. Tai và âm thanh làm nhân duyên, mũi và hương làm nhân duyên, lưỡi và vị làm nhân duyên, ý và pháp làm nhân duyên nên ý thức sanh. Vì sao? Vì những thứ thuộc về ý thức đều do ý và pháp làm nhân duyên sanh. Này Tỳ-kheo, đó gọi là nhãn thức do nhân duyên sanh,... ý thức do nhân duyên sanh. Phật nói kinh này xong, Tỳ-kheo ấy nghe những lời Phật dạy, hoan hỷ phụng hành, làm lễ roi lui ra.

KINH SỐ 239 Tôi nghe như vầy: Một thời, Phật trú tại nước Tỳ-xá-ly, trong giảng đường Trùng Các, bên ao Di Hầu. Bây giơ, Thê Tôn bao các Tỳ-kheo: A e e r 9 r Nay Ta sẽ nói vê pháp bị kiêt sử trói buộc và pháp kiêt sử. Thế nào là pháp bi kiết sử trói buộc? Đó là mắt và sắc, tai và âm thanh, mũi và mùi, lưỡi và vị5 thân và xúc, ý và pháp. Đó gọi là pháp bị kiết sử trói buộc. Thế nào là pháp kiết sử? Nghĩa là dục tham, đó gọi là pháp kiết sử. Phật nói kinh này xong, các Tỳ-kheo nghe lời Phật dạy, hoan hỷ phụng hành.

KINH SỐ 240 Tôi nghe như vây: Một thời, Phật trú tại nước Tỳ-xá-ly, trong giảng đường Trùng Các, bên ao Di Hầu. Bấy giờ, Thế Tôn bảo các Tỳ-kheo: -Ta sẽ nói về pháp bị chấp thủ và pháp chấp thủ. Thế nào là pháp bị chấp thủ? Đó là mắt và sắc, tai và âm thanh, mũi và mùi, lưỡi và vj, thân và xúc, ý và pháp. Đó gọi là pháp bị chấp thủ. Thế nào là pháp chấp thủ? Nghĩa là dục tham. Đó gọi là pháp chấp thủ. Phật nói kinh này xong, các Tỳ-kheo nghe lời Phật dạy, hoan hỷ phụng hành.

KINH SỐ 241 Tôi nghe như vây: Một thời, Phật trú tại nước Tỳ-xá-ly5 trong giảng đường Trùng Các, bên ao Di Hầu Bấy giờ, Thế Tôn bảo các Tỳ-kheo: Này các Tỳ-kheo? phàm phu ngu si vô học, thà lây lửa nâu chảy đông sôi đem đốt con mắt của mình, khiến cho nó cháy thiêu, chứ không đê nhãn thức chạy theo sắc tướng, chạy theo hình dáng tốt đẹp. Vì sao? Vì chạy theo sắc tướng, chạy theo hình dáng tốt đẹp là rơi vào đường ác như viên săt bị chìm. Phàm phu ngu si vô học, thà đốt dùi sắt đỏ đem dùi lỗ tai, chứ không để nhĩ thức chạy theo âm thanh, chạy theo tiếng hay. Vì sao? Vì nhĩ thức chạy theo âm thanh, chạy theo tiếng hay thì khi thân hoại mạng chung, sẽ rơi vào đường ác như viên sắt bị chìm. Phàm phu ngu si vô học, thà lấy dao bén cắt đứt mũi, chứ không để tỷ thức chạy theo hương, chạy theo mùi thơm. Vì sao? Vì tỷ thức chạy theo hương, chạy theo mùi thơm thì khi thân hoại mạng chung, sẽ rơi vào đường ác như viên sắt bị chìm. Phàm phu ngu si vô học, thà dùng dao bén cat đứt lưỡi, chứ không đê thiệt thức chạy theo vi, chạy theo vị ngon. Vì sao? Vì thiệt thức chạy theo vị, chạy theo vị ngon thì khi thân hoại mạng chung, sẽ rơi vào đường ác như viên sắt bị chìm. Phàm phu ngu si vô học, thà dùng cây săt cứng, cây thương mũi nhọn đâm vào thân thể, chứ không để thân thức chạy theo xúc và sự xúc chạm êm ái. Vì sao? Vì chạy theo xúc, chạy theo sự xúc chạm êm ái thì khi thân hoại mạng chung, sẽ rơi vào đường ác như viên sắt bi chìm. Này các Tỳ-kheo, người mê ngủ là kiêp sông ngu si, là si mạn, không lợi ích, không phước đức. Nhưng này các Tỳ-kheo5 thà nên say ngủ, chứ không vì săc kia mà khởi giác tưởng. Nếu người khởi giác tưởng ắt sanh ra triền phược, tranh tụng, hay làm cho con người hành động phi nghĩa, không lợi ích an lạc cho trời, người. Đa văn Thánh đệ tử nên học như thế này: "Nay ta thà đốt nóng cây thương băng săt đem đâm vào con mắt, chứ không đê nhãn thức chạy theo sắc tướng đê rơi vào ba đường ác, mãi mãi chịu khổ đau. Ta từ hôm nay chánh tư duy, quán sát mắt là pháp hữu vi, vô thường, do tâm duyên sanh. Nếu sắc, mắt và nhãn thức, ba sự hòa hợp thành nhãn xúc, nhãn xúc làm nhân duyên sanh ra cảm thọ bên trong biết, hoặc kho, hoặc vui, hoặc không khổ không vui; những thứ đó cũng là pháp hữu vi, vô thường, do tâm duyên sanh." Nhĩ, tỷ, thiệt, thân, ý cũng học như thế: "Thà đem cây thương bằng sắt đâm vào thân thể, chứ không để thân thức chạy theo sự xúc chạm mềm mại dịu dàng để rơi vào ba đường ác. Ta từ hôm nay phải chánh tư duy quán thân là pháp hữu vi, vô thường, do tâm duyên sanh. Nếu xúc, thân và thức, ba sự hòa hợp

thành thân xúc, thân xúc làm nhân duyên sanh ra cảm thọ bên trong biết, hoặc khô, hoặc vui, hoặc không khổ không vui; những thứ đó cũng là pháp hữu vi, vô thường, do tâm duyên sanh." Đa văn Thánh đệ tử nên học như vầy: "Người mê ngủ là kiếp sống ngu si, là si mạn, không công quả, không lợi ích, không phước đức; ta không mê ngủ cũng không khởi giác tưởng. Người khởi giác tưởng sanh ra triền phược, tranh tụng, làm cho con người hành động phi nghĩa, không lợi ích, không an lạc." Đa văn Thánh đệ tử, người nào quán như thế đối với mắt sanh nhàm chán. Nếu sắc, mắt và nhãn thức, ba sự hòa hợp thành nhãn xúc, nhãn xúc làm duyên sanh ra cảm thọ bên trong biết,

hoặc khổ, hoặc vui, hoặc không khổ không vui; đối với những thứ đó cũng sanh nhàm chán. Vì nhàm chán nên không ưa thích, vì không ưa thích nên được giải thoát, giải thoát tri kiến: "Sự sanh của ta đã dứt, Phạm hạnh đã thành, việc cần làm đã làm xong, tự biết không còn thọ thân sau." Tai, mũi, lưỡi, thân, ý cũng lại như vậy. Phật nói kinh này xong, các Tỳ-kheo nghe lời Phật dạy, hoan hỷ phụng hành.

KINH SỐ 242 Tôi nghe như vây: Một thời, Phật trú tại nước Tỳ-xá-ly, trong giảng đường Trùng Các, bên ao Di Hầu. Bay giơ, The Ton bao các Ty-kheo: Nếu đối với mắt, không biết, không phân biệt, không đoạn dứt, không xa lìa dục thì không thể chơn chánh sạch hết khổ. Đối với mắt, hoặc biết, hoặc phân biệt, hoặc đoạn dứt, hoặc lìa dục thì có thể chơn chánh sạch hết kho. Phật nói kinh này xong, các Tỳ-kheo nghe lời Phật dạy, hoan hỷ phụng hành. (Bôn kinh nói vê mat, như thê cho đên hai mươi bôn kinh nói vê ỷ, cũng giống như trên).

KINH SỐ 243 Tôi nghe như vây: Một thời, Phật trú tại nước Tỳ-xá-ly, trong giảng đường Trùng Các, bên ao Di Hầu r _ ĩ _ _ Bây giờ, Thê Tôn bao các Ty-kheo: Nếu các Tỳ-kheo, ai đối với mắt, đắm trước vị ngọt; nên biết Sa-môn, Bà- la-môn ấy không được tự tại, không thoát khỏi tay ma, bị ma trói buộc. Tai, mũi, lưỡi, thân, ý cũng lại như vậy. Nấu Sa-môn, Bà-la-môn đối với mắt không đắm trước vi ngọt; nên biết Sa-môn, Bà-la-môn ấy không tùy thuộc ma, thoát khỏi tay ma, không vào vòng ma trói buộc. Phật nói kinh này xong, các Tỳ-kheo nghe lời Phật dạy, hoan hỷ phụng hành.

188 KINH TẠP A-HÀM ----------

(Giống như vị ngọt; hoan hỷ, khen ngợi, đắm nhiễm, dừng trụ, ưa thích, ganh ghét cũng nói như thê. Giông như bảy kinh vê nội nhập xứ; bảy kinh vê ngoại nhập xứ, cũng nói như vây).

KINH SÒ 244 Tôi nghe như vây: Một thời, Phật trú tại nước Tỳ-xá-ly? trong giảng đường Trùng Các, bên ao Di Hầu. Bấy giờ, Thế Tôn bảo các Tỳ-kheo: Có sáu cái móc câu của ma. Những gì là sáu? Nghĩa là mát đăm vào sác, đó là móc câu của ma. Tai đắm vào âm thanh, đó là móc câu của ma. Mũi đăm vào mùi thơm, đó là móc câu của ma. Lưỡi đắm vào vị, đó là móc câu của ma. Thân đắm vào xúc chạm, đó là móc câu của ma. Ý đắm vào pháp trần, đó là móc câu của ma. Nếu Sa-môn, Bà-la-môn nào mắt đắm vào sắc tướng; nên biết Sa-môn, Bà- la-môn ấy bị móc câu của ma móc vào yết hầu, đối với ma không được tự tại. (Nói dơ, nói sạch, nói rộng như trên).

KINH SỐ 245 Tôi nghe như vầy: Một thời, Phật trú tại Câu-lmi-sấu9 ở tụ lạc Điều Phục Bát Ngưu. Bây giơ, The Ton bảo các Tỳ-kheo: Nay Ta sẽ vì các thầy thuyết pháp, lời đầu hay, lời giữa hay, lời cuối cũng hay, nghĩa hay và vị hay, thuần một vị thanh tịnh, Phạm hạnh thanh bạch. Đó là Kinh tứ phẩm pháp. Hãy lắng nghe, khéo suy nghĩ, Ta sẽ vì các thầy giảng nói! Kinh tứ phẩm pháp là những gì? Đó là có mắt phân biệt sắc đáng yêu thích, đáng nghĩ nhớ, đáng đắm mến, đáng dính mắc. Các Tỳ-kheo thấy sắc ấy rồi vui vẻ, khen ngợi, ưa thích, đắm mến và dính mắc vào đó. Có mắt phân biệt sắc không đáng yêu, khônẹ đáng nha không đáng đăm mên, chỉ nhàm chán, khô não. Tỳ-kheo thấy sắc áy rồi thì sân giận, ghét bỏ. Tỳ-kheo như thế, đối với ma không được tự tại, cho

nên không giải thoát khỏi sự trói buộc của ma. Tai, mũi, lưỡi, thân, ý cũng lại như vậy. Có mắt phân biệt sắc đáng yêu, đáng nhớ, đáng mến, đáng dính mắc. Tỳ- kheo thây sác ây rồi không vui mừng, không khen ngợi, không ưa thích, không đắm mến, không chấp chặt. Có mắt phân biệt sắc không đáng yêu thích, không đáng nghĩ nhớ, đắm mến, Tỳ-kheo thấy sắc ấy rồi, không sân giận, ghét bỏ. Tỳ- kheo như thê không lệ thuộc theo ý ma,. giải thoát khỏi sự trói buộc của ma. Tai, mũi, lưỡi, thân, ý cũng lại như vậy. Đó gọi là Kinh tứ phẩm pháp.

KINH TẠPA-HÀM 189

KINH SỐ 246 Tôi nghe như vầy: Một thời, Phật tru tại thành Vương Xá, núi Kỳ-xà quật. Bấy giơ, đức Thế Tôn sáng sớm đắp y, mang bát vào thành Vương Xá khất thực. Khi ấy, Thiên ma Ba-tuần khởi nghĩ rằng: "Sa-m6n Cù-đàm sáng nay đắp y, mang bát vào thành Vương Xá khất thực; nay ta sẽ đen nhiễu loạn ý đạo của ông ấy." Nghĩ rồi, Thiên ma Ba-tuần hóa làm người đánh xe, cầm roi đi tìm bò, mặc đồ rách rưới, đầu bù tóc rối, tay chân sần sùi, tay cầm cái roi bò, đến trước The Ton va hỏi: - Cù-đàm có thấy con bò của tôi ở đâu không? Đức Thế Tôn liền khởi nghĩ: "Đây là Ác ma, muốn đến nhiễu loạn Ta", Ngài liền nói với Ác ma: Này Ác ma, bò ở chỗ nào, dùng bò để làm gì? Ma liền khởi nghĩ: "Sa-môn Cù-đàm biết ta là ma", bèn bạch Phật: Thưa Ngài Cù-đàm? nhãn xúc nhập xứ là xe của tôi. Tai, mũi, lưỡi, thân, ý xúc nhập xứ là xe của tôi. Ác ma lại hỏi: -Thưa Ngài Cù-đàm9 Ngài muốn đi đâu? Phật bảo Ác ma: Ông có nhãn xúc nhập xứ, nhĩ, tỷ, thiệt, thân, ý xúc nhập xứ. Nếu không có nhãn xúc nhập xứ? không có nhĩ, tỷ, thiệt, thân, ý xúc nhập xứ thì ông không đến được, Ta đến được. Bấy giờ, Ma Ba-tuần nói kệ: Nếu người thường có ngã, Kia đều là của ta, Tất cả đều thuộc ta, Cù-đàm9 đi đâu được? Thê Tôn noi kê đáp lại: Nếu nói người có ngã, Kia nói ngã là quấy, Thế nên biết Ba-tuần, Liền tự rơi chỗ thua. Ma lại nói kệ: r y 9 r Nêu nói răng biêt đạo, An ổn đến Niết-bàn? ĩ Ngài một mình đi đên, Phiền gì dạy người khác? Thế Tôn nói kệ đáp lại: Nếu có người lìa ma, Hỏi đường qua bờ giác, Vì họ bình đẳng nói, Chân thật trọn không sót, Luôn tập, không buông lung, Hằng lìa ma, tự tại. Ma lại nói kệ: Có đá tợ miếng thịt, Quạ đói đến mổ ăn, Nó tưởng là ngon lành, Đe lấp chỗ bụng trống,

190 KINH TẠPA-HÀM

Trọn chẳng được vị kia, Gãy mỏ mà bay đi. Nay con giống như quạ, Cù-đàm tợ đá kia, Không biết thẹn mà đi, Như quạ bay giữa không, Trong tâm ôm sầu độc, Bay mất chẳng còn hiện.

KINH SỐ 247 Tôi nghe như vầy: Một thời, Phật trú tại thành Vương Xá, núi Kỳ-xà quật. Bây giơ, The Ton bao các Tỳ-kheo: Nếu Sa-môn9 Bà-la-môn mắt quen gần gũi với sắc thì rơi vào chỗ tự tại của ma, cho nên không giải thoát khỏi sự trói buộc của ma. Tai, mũi, lưỡi, thân, ý cũng lại như vậy. Nếu Sa-môn9 Bà-la-môn mắt không thường gần gũi với sắc thì không rơi vào chỗ tự tại của ma, cho nên thoát khỏi sự trói buộc của ma. Tai, mũi, lưỡi, thân, ý cũng lại như vậy. Phật nói kinh này xong, các Tỳ-kheo nghe lời Phật dạy, hoan hỷ phụng hành. (Giông như kinh quen gân gũi trên; trói buộc, dính mác, vị ngọt, láng giêng, nêu khiên cho nó giữ gìn, trói buộc, đỉnh mác, ngã sở câu dục, nông

hậu không bỏ, cũng nói như trèn).

KINH SỐ 248 Tôi nghe như vầy: Một thời, Phật trú tại nước Ba-tra-lợi Phất-đa-la? ở vườn Kê Lâm. Bấy giờ, Tôn giả A-nan đi đến chỗ Tôn giả Thuần-đà, cùng nhau hỏi thăm xong, roi ngôi xuông một bên, thưa Thuân-đà: -Tôi có điều muốn hỏi, Tôn giả có rảnh để giải đáp cho chăng? Tôn giả Thuần-đà nói với Tôn giả A-nan: Tùy theo câu hỏi của Tồn giả, tôi biết điều gì sẽ trả lời. Tôn giả A-nan hỏi Thuần-đà: -Như Thế Tôn, Như Lai, Chánh Đẳng Chánh Giác theo chỗ biết, chỗ thấy nói về bốn đại tạo sắc, chỉ bày rõ ràng, sắc tứ đại này chẳng phải ngã và theo chỗ biết, chỗ thấy của Như Lai, Chánh Đẳng Chánh Giác cũng lại nói là thức chẳng phải ngã chăng? Tôn giả Thuần-đà nói với Tôn giả A-nan: -Tôn giả thật là đa văn. Tôi từ xa đến chỗ Tôn giả là vì muốn hỏi pháp này. Hôm nay xin Tôn giả nói về nghĩa ấy. Tôn giả A-nan trả lời:

KINH TẠP A-HÀM 191

Nay tôi hỏi Tôn giả hãy tùy ý ưả lời. Thưa Tôn giả Thuần-dà, vì có mắt, có sắc nên có nhãn thức phải không?

Thưa phải!

Tôn giả A-nan lại hỏi:

Vì duyên mắt và sắc sanh ra nhãn thức phải không?

-Đúng như vậy!

Nếu mắt và sắc sanh ra nhãn thức thì nhân ấy, duyên ấy là thường hay vô thường?

-Vô thường!

Tôn giả A-nan lại hỏi:

Nhân ây, duyên ây sanh ra nhãn thức; nhân ây, duyên ây là vô thường, biến dịch thì thức kia có trụ không?

Thưa Tôn giả, không!

Tôn giả A-nan lại hỏi:

-Ý Tôn giả thế nào, pháp kia hoặc sanh, hoặc diệt, có thể biết và đa văn

Thánh đệ tử có nên ở trong đó thấy là ngã, khác ngã, hoặc ở trong nhau chăng?

Thưa Tôn giả, không!

-Tai, mũi, lưỡi, thân, ý và pháp, ý Tôn giả nghĩ sao, có ý? có pháp nên có ý thức không?

Thưa phải!

Tôn giả A-nan lại hỏi:

Vì duyên ý và pháp sanh ra ý thức chăng?

Thưa Tôn giả, đúng vậy!

Tôn giả A-nan lại hỏi:

Nếu ý duyên pháp sanh ý thức; nhân ấy, duyên ấy là thường hay vô thường?

-Vô thường!

Tôn giả A-nan lại hỏi:

-Hoặc nhân, hoặc duyên sanh ý thức; thì nhân ấy, duyên ấy vô thường, biến dịch, vậy ý thức có trụ chăng?

Thưa Tôn giả, không!
Tôn giả A-nan lại hỏi:
Ý Tôn giả nghĩ sao, pháp ấy hoặc sanh, hoặc diệt, có thể biết và đa văn
Thánh đệ tử có nên ở trong đó thấy là ngã, khác ngã, hoặc ở trong nhau chăng?
-Thưa Tôn giả, không!
Tôn giả A-nan nói với Thuần-đà:
-Thế nên Tôn giả, theo chỗ biết, chỗ thấy của Như Lai, ứng Cúng, Đẳng

Chánh Giác nói, thức cũng vô thường. Ví như người cầm rìu vào núi thấy cây chuối cho là dùng được, bèn chặt đứt gốc, tách lá, lột bẹ để tìm lõi của nó, lột đến tận cùng cũng không thấy chỗ nào chắc. Như thế, đa văn Thánh đệ tử chơn chánh quán sát nhãn thức, lýiĩ thức, tỷ thức, thiệt thức, thân thức, ý thức. Trong lúc đang chánh quán thì vị ấy thấy không có gì đáng chấp thủ, không đáng chấp thủ nên không bi dính mắc, vì không dính mắc nên tự giác Niết-bàn: "Sịt sanh của ta đã dứt, Phạm hạnh đã thành, việc cần làm đã làm xong, tự biết không còn thọ thân sau." Khi hai vị Chánh sĩ kia thuyết pháp này thì đều tùy hỷ và mỗi người trở về chỗ của mình.

KINH SỐ 249
Tôi nghe như vầy:
Một thời, Phật trú tại nước Xá-vệ, rừng Kỳ-đà, vườn cấp Cô Độc.
Bấy giờ, Tôn giả A-nan đi đến chỗ Tôn giả Xá-lợi-phất và nói với Tôn giả
Xá-lợi-phất: J
-Tôi có điều muốn hỏi, Tôn giả có rảnh để giải thích cho không? Tôn giả Xá-lợi-phất đáp: Tuy cau hỏi cua Ton gia, điêu nào toi biêt sẽ Ưa lơi. Ton giả A-nan hỏi: Sáu xúc nhập xứ5 sau khi đã lìa dục, dứt bặt, vắng lặng lại có còn thừa nữa không? Tôn giả Xá-lợi-phất đáp: Đừng hỏi: "Sáu xúc nhập xứ hết sạch, xa lìa dục, dứt bặt, vắng lặng rồi lại có còn thừa chng?" A-nan lại hỏi: Sáu xúc nhập xứ hết sạch, lìa dục, dứt bặt, vắng lặng rồi, không còn thừa chăng? Tôn giả Xá-lợi-phất đáp: Cũng lại không nên hỏi rằng: "Sáu xúc nhập xứ hết sạch, lìa dục? dứt bặt, vắng lặng rồi5 không còn thừa chng?" Ton gia A-nan lại hỏi: Sáu xúc nhập xứ hết sạch, xa lìa dục, dứt bặt, vắng lặng rồi, có thừa, không thừa, chẳng có thừa chẳng không thừa chăng? Tôn giả Xá-lợi-phất đáp: -Đây cũng không nên hỏi rằng: "Sáu xúc nhập xứ hết sạch, xa lìa dục, dứt bặt, vắng lặng rồi, có thừa, không thừa, chẳng có thừa chẳng không thừa chảng?"

Ton gia A-nan lại hoi: Như lời Tôn giả nói: "Sáu xúc nhập xứ hết sạch, lìa dục, dứt bặt, vắng lặng rôi? có cũng không nên nói, không cũng không nên nói, có và không cũng không nên nói, chẳng phải có chẳng phải không cũng không nên nói; thì lời nói này có nghĩa gi?" Tôn giả Xá-lợi-phất bảo A-nan: Sáu xúc nhập xứ hết sạch, lìa dục, dứt bặt, vắng lặng rồi, có thừa chăng, đó là lời hư dối; không thừa chăng, đó là lời hư dối; có thừa, không thừa chăng, đó là lời hư dối; chẳng có thừa chẳng không thừa chăng, đó cũng là lời hư dối. Nếu nói sáu xúc nhập xứ hết sạch, lìa dục, dứt bặt, vắng lặng rồi, lìa

các hư ngụy, được Bát-niết-bàn. Đó là lời Phật nói. Khi ấy, hai vị Chánh sĩ đều tùy hỷ, mỗi người trở về chỗ của mình.

KINH SỐ 250 Tôi nghe như vây: Một thời, Phật trú tại thành Vương Xá, trong Vườn Trúc Ca-lan-đà. Bấy giờ, Tôn giả Xá-lợí-phất, Tôn giả Ma-ha Câu-hỵ-la cùng ở núi Kỳ-xà quật. Tôn giả Ma-ha Câu-hy-la, buổi chiều, sau khi xả thiền, đi đến chỗ Tôn giả Xá-lợi-phất, cùng nhau hỏi thăm xong, rồi ngồi xuống một bên, nói với Tôn giả Xá-lợi-phất: -Tôi có điều muốn hỏi, Tôn giả có rảnh để giải đáp cho không? Tôn giả Xá-lợi-phất đáp: Tùy câu hỏi của Tôn giả, điều nào tôi biết sẽ trả lời. Tôn giả Ma-ha Câu-hy-la hỏi: Thế nào, thưa Tôn giả Xá-lợi-phất, mắt trói buộc sắc, hay sắc trói buộc mắt? Tai và âm thanh, mũi và mùi, lưỡi và vị, thân và xúc, ý và pháp, ý trói buộc pháp hay pháp trói buộc ý? Tôn giả Xá-lợi-phất đáp: - Chẳng phải mắt trói buộc sắc, chẳng phải sắc trói buộc mắt,... chẳng phải ý trói buộc pháp, chẳng phải pháp trói buộc ý. Thưa Tôn giả Ma-ha Câu-hy-la, ở trong đó, nếu có dục tham thì đó là trói buộc. Thưa Tôn giả Ma-ha Câu-hy-la9 ví như hai con trâu, một đen, một trắng, được cột vào một cái ách, có người hỏi rằng: “Trâu đen cột trâu trắng, hay trâu trắng cột trâu dèn?” Hỏi như thế có đúng không? Thưa không. Thưa Tôn giả Xá-lqi-phất, chẳng phải trâu đen trói trâu trắng, cũng chẳng phải trâu trắng cột trâu dèn, nhimg ở trong đó hoặc là cái ách, hoặc là sợi dây trói, những thứ kia là sự trói buộc. 9 9

-Đúng vậy, Tôn giả Ma-ha Câu-hy-la, chăng phải măt trói buộc sác, chăng phải sắc trói buộc mắt,... chẳng phải ý trói buộc pháp, chăng phải pháp trói buộc

ý, mà ở trong đó dục tham trói buộc vậy. Thưa Tôn giả Ma-ha Câu-hy-la5 nêu mắt trói buộc sắc, hoặc sắc trói buộc mắt,... hoặc ý trói buộc pháp, hoặc pháp trói buộc thì Thế Tôn đã không dạy người dựng lập Phạm hạnh để được dứt sạch hết khổ. Do chẳng phải mắt trói buộc sắc, chẳng phải sắc trói buộc mắt,... chẳng phải ý trói buộc pháp, chẳng phải pháp trói buộc y, nên Thế Tôn dạy người dựng lập Phạm hạnh, được dứt sạch hết khổ. Thưa Tôn giả Ma-ha Câu-hy-la? đối với Thế Tôn, mắt thấy sắc hoặc tốt, hoặc xấu không khởi dục tham, còn các chúng sanh khác, mắt nếu thấy sắc hoặc tốt, hoặc xấu thì khởi dục tham; do đó The Tôn nói nên đoạn dứt dục tham, thời tâm được giải thoát,... ý, pháp cũng lại như vậy. Khi ấy, hai vị Chánh sĩ cùng nhau tùy hỷ, mỗi người trở về chỗ của mình.

KINH SỐ 251 Tôi nghe như vây: Một thời, Phật tru tại thành Vương Xá, trong Vườn Trúc Ca-lan-đà. Bấy giờ, Tôn giả Xá-lợi-phất và Tôn giả Ma-ha Câu-hy-la đều ở trong núi Kỳ-xà quật. Ton giả Ma-ha Câu-hy-la, buổi chiều sau khi xả thiền, đến chỗ Tôn giả Xá-lợi-phất, cùng nhau hỏi thăm xong, rồi ngồi xuống một bên, nói với Tôn giả Xá-lợi-phất -Tôi có điều muốn hỏi, Tôn giả có rảnh để trả lời cho không? Tôn giả Xá-lợi-phất đáp: Tùy câu hỏi của Tôn giả, điều gì tôi biết sẽ trả lời. Tôn giả Ma-ha Câu-hy-la hỏi: - Nói là vô minh, thế nào là vô minh? Tôn giả Xá-lợi-phất đáp: -Nghĩa là không biết, không biết là vô minh. Thế nào là không biết? Nghĩa là mắt vô thường, mà không biết như thật. Đó gọi là không biết, không biết như thật mắt là pháp sanh diệt.

Đó gọi là không biết. Tai, mũi, lưỡi, thân, ý cũng lại như vậy. Như thế, Tôn giả Ma-ha Câu-hy-la, đôi với sáu xúc nhập xứ này, liên tục không biết như thật, ngu si, tối tăm, đó gọi là vô minh. Tôn giả Ma-ha Câu-hy-la lại hỏi: -Nói là minh, thế nào là minh? Tôn giả Xá-lợi-phất đáp: Nghĩa là biết vậy. Biết là minh. Biết những điều gì? Biết như thật mắt là vô thường, biết như thật mắt là pháp sanh diệt. Tai, mũi, lưỡi, thân, ý cũng lại như thê. Thưa Tôn giả Ma-la Câu-hy-la5 đối với sáu xúc nhập xứ này, thấy biết như thật rõ ràng, giác ngộ, trí tuệ liên tục, đó gọi là minh. Khi ấy, hai vị Chánh sĩ cùng nhau tùy hỷ, mỗi người trở về chỗ của mình.

KINH TẠP A-HÀM 195

KINH SỐ 252 Tôi nghe như vầy: Một thời, Phật trú tại thành Vương Xá, trong Vườn Trúc Ca-lan-đà. Khi ấy, có vị Tỳ-kheo tên là Ưu-ba-tiên-na trú tại thành Vương Xá, trong Hàn Lâm, trên gò mả, dưới chân núi Xà Đầu, ở xứ Ca-lan-đà. Lúc ấy, Tôn giả Ưu-ba-tiên-na một mình ngồi thiền nơi đó. Bấy giờ, có con rắn cực độc, dài khoảng một thước, từ trên phiến đá rơi xuống mình Ưu-ba-tiên-na. ưu-ba-tiên- na mới gọi Tôn giả Xá-lợi-phất về nói với các Tỳ-kheo: Có con rắn độc rơi trên mình tôi, chất độc ngấm vào trong thân tôi rồi. Chư Tôn giả hãy đến nhanh lên, đỡ giùm thân tôi đem ra ngoài, chớ để thân này rã ra như một đống cám. Khi ấy, Tôn giả Xá-lợi-phất đang ngồi dưới một cội cây gần đó, nghe Ưu- ba-tiên-na nói thế, liền vội vã đến chỗ ưu-ba-tiên-na và nói với ưu-ba-tiên-na: -Tôi xem thây sác mạo của Hiên giả các căn không khác với bình thường mà nói là trúng độc, nhờ khiêng ra, chớ để tan hoại như một đống cám, cuối cùng là thế nào? Ưu-ba-tiên-na nói với Tôn giả Xá-lợi-phất: Nếu có người đối với mắt, chấp con mắt là tôi, là của tôi; đối với tai, mũi, lưỡi, thân, ý, chấp tai, mũi, lưỡi, thân, ý là tôi, là của tôi; đối với sắc, thanh, hương, vị? xúc, pháp, chấp sắc, thanh, hương, vị? xúc, pháp là tôi, là của tôi; đối với địa giới, chấp địa giới là tôi, là của tôi; đối với nước, lửa, gió, không, thức .. r e k , ỉ ĩ giới, chập nước, lửa, gió, không, thức giới là tôi, là của tôi; đôi với sác âm? chập sắc ấm là tôi, là của tôi; đối với thọ, tưởng, hành, thức ấm, chấp thọ, tưởng, hành, thức ấm là tôi, là của tôi thì sắc mặt và các căn mới có biến đổi. Còn nay tôi không như thế. Mắt chẳng phải là tôi, là của tôi, cho đến thức ấm chẳng phải là tôi, là của tôi, thê nên sác mặt và các căn không có biên đôi. Tôn giả Xá-lợi-phất nói: Như thế, Ưu-ba-tiên-na, nhớ luôn luôn xa lìa ngã, ngã sở, ngã mạn trói buộc, dính mắc, khiên đoạn dứt cội góc ây như chặt đâu cây đa-la thì đôi với đời vi lai trọn không trở lại, làm sao mà sắc mặt và các căn biến đổi được. Khi ấy, Tôn giả Xá-lợi-phất liền đi vòng đến đỡ thân của Tôn giả Ưu-ba- tiên-na đưa ra ngoài hang. Thân của Ưu-ba-tiên-na bị trúng độc, rã ra như một đống cám. Lúc bấy giờ, Tôn giả Xá-lợi-phất liền nói bài kệ: Thường trồng các Phạm hạnh, Khéo tu bát chánh đạo, Vui vẻ xả bỏ thân, Giống như ném bát độc. Thường trồng các Phạm hạnh, Khéo tu bát chánh đạo, Vui vẻ xả bỏ thân, Như người bệnh thuyên giảm.

196 KINH TẠP A-HÀM

Thường trồng các Phạm hạnh, Khéo tu bát chánh đạo, Như ra khỏi nhà lửa, Lâm chung không buồn tiếc. Thường trông các Phạm hạnh, Khéo tu bát chánh đạo, Dùng tuệ quán thế gian, Giông như cây cỏ thôi, Không còn mong cầu nữa, Lại cũng không tiếp tục. Khi

ấy, Tôn giả Xá-lợi-phất sau khi cúng dường thi thể Ưu-ba-tiên-na xong, đi đến chỗ Phật, cúi đầu lễ chân Phật rồi ngồi xuống một bên, bạch Phật: Bạch Thế Tôn, Tôn giả ưu-ba-tiên-na bi một con rắn độc nhỏ bằng cái thẻ trị mắt rơi trên thân, thân của Tôn giả ưu-ba-tiên-na liền nát ra như cám. Phật bảo Xá-lợi-phất: Nếu ưu-ba-tiên-na đọc bài kệ này thì không trúng độc và thân cũng không nát ra như cám. Xá-lợi-phất bạch Phật: -Bạch Thế Tôn, bài kệ ấy thế nào? Lời văn ra sao? Phật vì Xá-lợi-phất đọc kệ: Thường thương xót loài kia, Kiên cô Lại-tra-la, Từ Y-la-bát-na, Y-bà-phất-đa-la, Khâm-bà-la thượng mã, Cũng từ Ca-câu-tra, Và hắc Cù-đàm kia, Nan-đà, Bạt-nan-đà, Thương xót loài không chân, Và cả loài hai chân, Bốn chân cùng nhiều chân, Cũng khởi lòng từ bi. Tư bi đoi loai rong, Loài ở đất và nước, Thương tất cả chúng sanh, Đem được, không đếm được. An vui với tất cả, Cũng xa lìa phiên não, Muốn cho tất cả hiền, Tất cả đừng sanh ác9 Thường ở núi Xà Đầu, Cái ác không nhóm lại. Ran hung độc ác hại, Hay hại mạng chúng sanh, Như lời chắc thật này, Vô thượng Đạo sư thuyết. Nay ta tụng kệ này, Lời Đạo sư chân thật, Tất cả các ác độc, Không thể hại thân ta. Tham dục, sân nhuế, si, Ba độc của thế gian, Như ba thứ độc này, Trừ dứt gọi Phật bảo. Pháp bảo diệt ác độc, Tăng bảo cũng không khác, Phá hoại độc hung ác, Nhiếp thọ những người lành, Phật phá tát cả độc, Nay vì phá rắn độc, Nên nói chú thuật này. Ô-đam-bà-lệ, Đam-bà-lệ, Đam-lục, Bà-bà-đam-lục? Nại-tể-túc, Nại-tể, Chỉ-bạt-tể, Văn-na-di5 Tam-madi, Đàn-để5 Ni-la-chỉ-thí, Bà-la, Câu-hạ-ô-lệ, Ô-ngu-lệ-tất-bà-ha.

KINH TẠPA-HÀM^ 197

Này Xá-lợi-phất5 thiện nam tử ưu-ba-tiên-na nếu bấy giờ nói bài kệ này, đọc những câu này, chắc chắn rắn độc không thể rơi trúng thân, thân cũng không hoại như đống cám. Xá-lợi-phất bạch Phật: -Bạch The Tôn, Tôn giả ưu-ba-tiên-na chưa từng nghe kệ này, chưa từng nghe câu chú này. Hôm nay Thế Tôn mới nói bài kệ này, chính là giúp cho đời sau. Phật nói kinh này xong, Tôn giả Xá-lợi-phất nghe lời Phật dạy, vui mừng, cung kính lui về.

KINH SỐ 253 Tôi nghe như vây: Một thời, Tôn giả Ưu-đà-di đến nước Câu-tát-la, đi du hành trong nhân gian, đến thôn Ciru-bàn-trà, tru ngụ trong vườn Am-la của nữ Bà-la-môn Tỳ- nữu Ca-chiên-diên. Bấy giờ, có những người đệ tử nhỏ tuổi của Tỳ-nữu Ca-chiên-diên đi đốn củi trong vườn Am-la, thấy Tôn giả Ưu-đà-di ngồi dưới một cội cây, dung mạo đoan chánh, các căn vắng lặng, tâm ý an trụ, thành tựu sự điều phục bậc nhất, thấy ngài rồi bèn đi đến hỏi thăm và ngồi xuống một bên. Khi ấy, Ưu-đà-di vì các thiếu niên thuyết các thứ pháp, khích lệ xong, rồi im lặng. Sau khi nghe Tôn giả nói xong, các thiêu niên đêu vui vẻ đứng dậy chào vê. Các thiêu niên ấy gánh củi trở về chỗ nữ Bà-la-môn Tỳ-nữu Ca-chiên-diên, đặt củi xuống đất, đi đến chỗ nữ Bà-la-môn, thưa: -Thưa thầy, trong vườn Am-la có Sa-môn Ưu-đà-di, dòng họ Cù-đàm5 đang ở đó thuyết pháp rất hay. Nữ Bà-la-môn nói với các thiếu niên: Các con hãy đến mời Sa-môn ưu-đà-di họ Cù-đàm ngày mai đến đây dùng cơm. Khi ấy, các đệ tử nhỏ vâng lời nữ Bà-la-môn, đi đến chỗ Tôn giả ưu-đà-di và thưa: -Thầy con là nữ Bà-la-môn Tỳ-nữu dòng Ca-chiên-diên mời Tôn giả ngày mai dùng cơm. Khi ấy, Tôn giả ưu-đà-di im lặng nhận lời. Các thiếu niên biết Tôn giả ưu- đà-di im lặng nhận lời rồi, trở về thưa với nữ

Bà-la-môn: Thưa thầy, chúng con đã mời Tôn giả, Tôn giả im lặng nhận lời. Bấy giờ, Tôn giả Ưu-đà-di, qua khỏi đêm, sáng sớm, đắp y, mang bát đến nhà của nữ Bà-la-môn. Nữ Bà-la-môn trông thấy Tôn giả đến, vội trải sàng tòa mời ngồi, bày các thức ăn uống, tự tay cúng dường món ngon đầy đủ. Sau khi

ăn xong, xỉa răng, rửa bát, Tôn giả trở lại chỗ ngồi. Nữ Bà-la-môn biết ngài đã dùng xong, bà mang một đôi giày tốt, lấy áo trùm đầu, đặt một cái ghế cao, tỏ ý khinh thường, ngạo mạn ngồi xuống, nói với Tôn giả Ưu-đà-di: -Tôi có điều muốn hỏi, ngài có rảnh để trả lời cho chăng? Tôn giả ưu-đà-di đáp: Thưa cô? hôm nay không đúng lúc. Tôn giả nói như thế xong, rồi đứng dậy ra đi. Đen sáng hôm sau, các đệ tử lại đến vườn Am-la đốn củi, nghe pháp và trở về thưa lại với thầy, rồi thầy lại sai đến mời Tôn giả Ưu-đà-di dùng cơm. Ba lần đến thỉnh pháp như thế đều bị Tôn giả Ưu-đà-di trả lời là không đúng lúc. Tôn giả không chịu thuyết pháp. Các đệ tử trẻ tuổi lại thưa với thầy: Trong vườn Amla, Sa-môn Ưu-đà-di thuyết pháp rất hay. Vị thầy đáp: Ta cũng biêt ông ây thuyết pháp rát hay, mời ba lân đên, cúng dường và hỏi pháp đều bị từ chối, nói là không đúng lúc rồi bỏ đi. Các đệ tử thưa với thầy của họ: Thây mang đôi giày tôt5 lại lây áo che đâu và dáng ngôi của thây không cung kính thì Tôn giả ấy làm sao mà thuyết pháp được! Vì sao? Vì Tôn giả Ưu- đà-di kia rất kỉnh pháp nên không nói mà bỏ đi. Vi thầy trả lời: -Nêu như thê thì các con vì ta đên mời ông ây một lân nữa. Các đệ tử vâng lời đi thỉnh cúng dường như trước. Sau khi vi thầy biết Tôn giả ưu-đà-di ăn uống xong, bà liền cởi giày, sửa lại y phục, ngồi xuống một cái ghế thấp, cung kính thưa: Thưa Tôn giả? tôi có điều muốn hỏi. Ngài có rảnh để trả lời cho chăng? Tôn giả Ưu-đà-di trả lời: Cô cứ hỏi tự nhiên, tôi sẽ vì cô giảng nói. Vi thầy ấy liền hỏi: Có Sa-môn, Bà-la-môn nói khổ vui tự tác, lại có người nói khổ vui tha tác, lại có người nói kho vui tự tác và tha tác, lại có người nói khổ vui chẳng phải tự tác, chẳng phải tha tác. Còn Tôn giả thì thế nào? Tôn giả Ưu-đà-di đáp: Thưa cô, A-la-hán nói kho vui do cái khác sanh chứ chẳng phải nói như trên. Nữ Bà-la-môn lại hỏi: Nghĩa này thế nào?

Tôn giả ưu-đà-di đáp: A-la-hán nói từ nhân duyên sanh các khổ vui. Tôn giả ưu-đà-di lại nói với nữ Bà-la-môn: -Bây giờ tôi hỏi, cô tùy ý trả lời tôi. Ý cô thế nào, có mắt không? Thưa có! - Có sắc không? Thưa có! -Có mat phân biệt, mat tiêp xúc, mat tiêp xúc làm nhân duyên sanh ra cảm thọ hoặc khổ, hoặc vui, hoặc không khổ không vui chăng? Như thế, thưa Tôn giả! Tôn giả Ưu-đà-di lại hỏi: Có tai, mũi, lưỡi, thân, ý tiếp xúc làm nhân duyên sanh ra cảm thọ hoặc khô, hoặc vui, hoặc không khô không vui chăng? - Như thế, thưa Tôn giả! Tôn giả Ưu-đà-di nói: Đó là điều A-la-hán nói từ nhân duyên sanh ra khổ vui. Nữ Bà-la-môn thưa với Tôn giả Ưu-đà-di: Như thế là A-la-hán nói từ nhân duyên sanh ra khổ vui phải không? Tôn giả Ưu-đà-di đáp: Đúng vậy, nữ Bà-la-môn! Nữ Bà-la-môn lại hỏi: —Thưa Tôn giả, vì sao A-la-hán nói là nhân duyên sanh ra kho vui và từ nhân duyên không khổ không vui diệt? Tôn giả Ưu-đà-di đáp: -Bây giờ tôi hỏi, cô tùy ý trả lời toi. Này nữ Bà-la-môn, tất cả mắt, tất cả thời diệt hết không còn gì thì còn có mắt tiếp xúc làm nhân duyên sanh ra cảm thọ, bên trong cảm

giác hoặc khổ, hoặc vui, hoặc không khô không vui chăng? Thưa không! Như thế tai, mũi, lưỡi, thân, ý tất cả diệt hết không còn gì thì còn có ý tiếp xúc làm nhân duyên sanh ra cảm thọ, bên trong cảm giác hoặc khổ, hoặc vui, hoặc không khổ không vui chăng? -Thưa không! -Như thế, này nữ Bà-la-môn, A-la-hán nói là nhân duyên sanh ra khổ vui và từ nhân duyên không khổ không vui diệt. Khi Tôn giả Ưu-đà-di nói pháp này, nữ Bà-la-môn Tỳ-nữu Ca-chiên-diên xa lìa trần cấu, được pháp nhãn thanh tịnh.

Bấy giờ? nữ Bà-la-môn Tỳ-nữu Ca-chiên-diên thấy pháp, biết pháp, nhập pháp, dứt hết những nghi hoặc, không do người khác, thâm nhập giáo pháp Phật. Đối với pháp không sợ hãi, vị ấy từ chỗ ngồi đứng lên, sửa lại y phục, cung kính chắp tay thưa với Tôn giả Ưu-đà-di: Hôm nay con quyết định ngay từ bây giờ, xin quy y Phật, quy y Pháp, quy y Tăng, con từ bây giờ cho đến trọn đời quy y Tam bảo. Khi ấy, Tôn giả ưu-đà-di vì nữ Bà-la-môn thuyết pháp, khai thị, chỉ giáo rõ ràng rồi, vui vẻ đứng dậy ra về.

KINH SỐ 254 Tôi nghe như vay: Một thời, Phật trú tại thành Vương Xá, trong Vườn Trúc Ca-lan-đà. Bấy giờ, Tôn giả Nhị Thập ức Nhĩ ở núi Kỳ-xà quật, thường tinh cần tu tập pháp Bồ-đề phần. Khi ấy, Tôn giả Nhị Thập ức Nhĩ một mình tư duy, khởi nghĩ rằng: "d trong hàng đệ tử Thanh văn tinh cần của Thế Tôn, ta là người trong số đó? nhưng hôm nay ta chưa dứt hết các lậu. Ta là người dòng quý tộc, có nhiều tài sản quý báu, nay thà hoàn tục, hưởng thụ ngũ dục, rồi làm phước bố thí rộng rãi tốt hơn.” Bấy giờ, Thế Tôn biết ý nghĩ trong tâm của Nhị Thập ức Nhĩ, Ngài bảo một vị Tỳ-kheo: -Thầy hãy đến chỗ Nhi Thập ức Nhi, nói là Thế Tôn gọi. Tỳ-kheo này vâng lời đi đến chỗ Nhi Thập ức Nhĩ, nói rằng: The Ton gọi Hiên giả. Nhi Thập ức Nhĩ nghe Tỳ-kheo kia nói bậc Đạo sư gọi, liền vội vàng đến chỗ Thế Tôn, lễ dưới chân, rồi ngồi xuống một bên. Thế Tôn bảo Nhị Thập ức Nhĩ: -Thầy có thật một mình ở chỗ vắng tư duy, khởi lên ý nghĩ như vầy: “Trong hàng Thanh văn tu học tinh cần của Thế Tôn, ta là người trong số ấy, nhưng nay ta chưa được lậu tận, giải thoát. Ta là người dòng quý tộc, có nhiều tiền tài, thà hoàn tục hưởng thụ ngũ dục, rồi làm phước bố thí rộng rãi tốt hơn", có phải như thế không? Khi ấy, Nhị Thập ức Nhĩ nghĩ rằng: "Thế Tôn đã biết tâm của ta”kinh ngạc sợ hãi, lông dựng đứng, bạch Phật: Bạch Thế Tôn, thật vậy! Phật bảo Nhị Thập ức Nhĩ: Ỵ Nay Ta hỏi thầy, thầy tùy ý trả lời Ta. Này Nhị Thập ức Nhĩ, lúc thầy còn ở thế tục, thầy đàn hay lắm phải không? -Dạ, đúng vậy!

nni Ạ rin 1 • 1 9 • The Ton lại hỏi: Ý thầy nghĩ sao, khi thầy đàn, nếu sợi dây đàn thẳng quá thì âm thanh có hòa nhã, vi diệu không? Thưa không! The Tôn lại hỏi: -Thế nào, nếu sợi dây đàn chùng quá thì có phát ra âm thanh hòa nhã, vi diệu không? -Thưa không! The Ton lại hoi: Thế nào, nếu điều chỉnh dây đàn, không chùng, không thẳng sau mới phát ra âm thanh vi diệu phải không? - Đúng vậy, bạch Thế Tôn! Phật bảo Nhi Thập ức Nhĩ: Người tinh tấn thái quá chỉ tăng thêm trạo hối, người thiếu tinh tấn thì sanh ra biếng nhác. Thầy nên giữ mức tu tập điều độ, chớ đắm trước, chớ buông lung, chớ chấp tướng. Tôn giả Nhi Thập ức Nhĩ nghe Phật dạy xong, vui mừng làm lễ lui

về. Bấy giờ, Tôn giả Nhị Thập ức Nhĩ thường nghĩ đến ví dụ về dây đàn mà Thế Tôn dạy. Tôn giả một mình ở chỗ vắng tư duy, thiền định những lời nói trên cho đến lậu tận, tâm được giải thoát, thành A-la-hán. Bấy giờ, Tôn giả Nhị Thập ức Nhĩ đắc A-la-hán, bên trong cảm giác an lạc giải thoát, khởi nghĩ rằng: “Nay ta nên đến thăm viếng Thế T6n." Tôn giả liền đi đến chỗ Phật, lễ chân Phật, ngồi xuống một bên, bạch Phật: Bạch Thế Tôn, ở trong pháp của Thế Tôn, con đắc A-la-hán, sạch các hữu lậu, việc làm đã xong, như trút bỏ gánh nặng, được lợi h cho chính mình, dứt sạch các hữu kiết sử, chánh trí, tâm giải thoát; ngay lúc đó giải thoát sáu xứ. Thế nào là sáu? Lìa dục được giải thoát, Lìa nhuế được giải thoát, Xa lìa được giải thoát, Ái sạch được giải thoát, Các thủ được giải thoát, Tâm không quên niệm giải thoát. Bạch Thế Tôn, nếu có người nương nơi một ít tín tâm mà nói lìa dục, giải thoát, điều này chẳng đúng. Tham, nhuế, si dứt sạch thì gọi là chân thật lìa dục, giải thoát. Nếu lại có người nương nơi một ít trì giới mà nói được lìa nhuế, giải thoát, điều này cũng không đúng. Tham, nhuế, si dứt sạch mới gọi là chân thật lìa nhuế, giải thoát. Nếu lại có người nương nơi tu tập, xa lìa lợi dưỡng mà nói xa lìa được dục, giải thoát, điều này cũng không đúng. Tham, nhuế, si dứt sạch mới là chân thật xa lìa dục, giải thoát. Tham, nhuế, si dứt sạch cũng gọi là lìa ái, cũng gọi là lìa thủ, cũng gọi là lìa thất niệm, được giải thoát. Như thế, bạch Thế Tôn, nếu các Tỳ-kheo chưa đắc A-la-hán, chưa sạch các lậu, đối với sáu

xứ này, không được giải thoát. Nấu lại có Tỳ-kheo còn ở học địa, chưa được tăng thượng an vui Niết-bàn, bèn tu tập hướng về trụ tâm, bấy giờ thành tựu học giới, thành tựu học căn, sau đó được lậu tận, không còn phiên não, tâm giải thoát, tự biết không còn thọ thân sau, ngay hiện tại được vô học giới, được vô học các căn. Ví như đứa trẻ sơ sanh nằm ngửa, ngu ngơ? khi ấy chỉ thành tựu các căn của một đứa trẻ, rồi sau đó dần dần tăng trưởng thành tựu các căn; bấy giờ mới thành tựu các căn của người lớn. Người còn ở học địa cũng lại như vậy, chưa được tăng thượng an lạc,... thành tựu vô học giới, vô học các căn. Nêu mắt thường phân biệt sắc thì vẫn trọn không chướng ngại, tâm giải thoát, tuệ giải thoát. Vì ý đã kiên trụ, bên trong đã tu vô lượng thiện giải thoát, quán sát sanh diệt cho đến vô thường. Tai phân biệt âm thanh, mũi phân biệt mùi hương, lưỡi phân biệt vi, thân phân biệt xúc, ý phân biệt pháp trần thì cũng không thể chướng ngại, tâm giải thoát, tuệ giải thoát. Vì ý đã kiên trụ, bên trong đã tu vô lượng thiện giải thoát, quán sát sanh diệt. Ví như ở gần thôn ấp, có núi đá lớn không chẻ, không đập vỡ? không đục thủng được vì núi dày đặc; giả sử gió bốn phương thổi đến không thể làm lay động, không thể xuyên qua. Bậc Vô học kia cũng lại như thế. Mắt thường phân biệt sắc,... ý thường phân biệt pháp, cũng không thể trở ngại, tâm giải thoát, tuệ giải thoát. Vì ý đã kiên trụ, bên trong tu vô lượng thiện giải thoát, quán sát sanh diệt. Bấy giờ, Nhi Thập ức Nhĩ lặp lại bằng bài kệ: Lìa dục, tâm giải thoát, Không nhuê, cũng giải thoát, Xa lìa, tâm giải thoát, Tham ái trọn không còn. Tám giải thoát các thủ, Và ý không thất niệm, Rõ ràng nhập xứ sanh, Nơi kia tâm giải thoát. Người được tâm giải thoát, Tỳ-kheo ý dừng nghỉ, Các việc đã làm xong, Không còn việc để làm. Giống như núi đá lớn, Bốn gió không thể động, Sắc, thanh, hương, vị, xúc, Và những pháp tốt xấu, Đoi diện sáu nhập xứ, Không thể động tâm kia, Tâm thường trụ vững

chắc, Quán sát pháp sanh diệt. Khi Tôn giả Nhi Thập ức Nhĩ nói pháp này, bậc Đạo sư trong lòng vui vẻ, các vị đa văn Phạm hạnh nghe những điều Tôn giả Nhị Thập ức Nhĩ nói ra, đều rất hoan hỷ. Bấy giờ, Tôn giả Nhi Thập ức Nhĩ nghe Phật thuyết pháp xong, vui vẻ, tùy hỷ, làm lễ lui ra. Lúc ấy, Thế Tôn biết Tôn giả Nhị Thập ức Nhĩ đi ra chưa lâu, mới bảo các Tỳ-kheo: Người tâm khéo giải thoát nên nói như thế, giống như Nhị Thập ức Nhi, do trí tuệ nói quyết định, không tự cao, cũng không khinh người, nói đúng sự thật, không phải như những người tăng thượng mạn? không có được việc này mà tự khen ngợi được pháp hơn người, để tự mình phải bị tổn giảm.

KINH TẠPA-HÀM 203

KINH SỐ 255 Tôi nghe như vầy: Một thời, Tôn giả Ma-ha Ca-chiên-diên tru tại nước Abàn-dề, bên sông Thấp-ma-đà? trong thôn Di Hầu Thất, hang A-luyện-nhã, có Bà-la-môn Lỗ-hê- giá, cung kính thờ phụng đúng pháp A-la-hán. Bấy giờ, Tôn giả Ca-chiên-diên sáng sớm, đắp y, mang bát vào thôn Di Hầu Thất thứ lớp khất thực. Khất thực xong, Tôn giả trở về cất y bát, rửa chân rồi vào thất tọa thiền. Khi ấy, Bà-la-môn Lỗ-hê-giá có các đệ tử nhỏ tuổi đi lượm củi, đến gần bên hang của Tôn giả Ma-ha Ca-chiên-diên? cười nói, giỡn đùa: "Trong hang này có Sa-môn trọc đầu ở, là người đen đủi, không phải là người tôn quý. Tại sao Bà-la-môn Lỗ-hê-giá chúng ta lại phải tôn trọng cúng dường như đối với bậc A-lahn?" Khi ấy, Tôn giả Ma-ha Ca-chiên-diên nói với các đệ tử của Lỗ-hê-giá: - Này các chú bé, các chú chớ làm ồn! Các thiếu niên trả lời: Trọn không dám nói nữa! Đen ba lần như thế. Nhưng rồi họ vẫn nói mãi, tức thì Tôn giả Ma-ha Ca- chiên-diên liền đi ra ngoài cửa nói với các chú bé: Này các chú nhỏ, các chú đừng làm ồn nữa. Ta sẽ vì các chú thuyết pháp, các chú hãy lắng nghe! Các chú bé nói: Dạ vâng! Xin ngài thuyết pháp, chúng con sẽ lắng nghe và lãnh thọ! Bấy giờ, Tôn giả Ma-ha Ca-chiên-diên nói kệ: Xưa kia Bà-la-môn? Tu tập giới thắng diệu, Được sanh Trí túc mạng, An lạc thiền chân thật, Thường trụ ở từ bi, Đóng hết các căn môn, Điều phục lỗi của miệng. Xưa kia hành như thế, Bỏ hạnh chân thật cũ, Mà giữ việc hư dối, Giữ tộc tánh buông lung, Theo các căn duyên cảnh, Đói khát ở gò mả, Ba lần tắm tụng ba kinh, Không giữ gìn căn môn, Giống như mộng được báu. Bện tóc, khoác áo da, Không trộm, thân bết tro, Áo thô, che thân xấu, Cầm gậy, ôm bình nước, Giả hình Bà-la-môn, Đe mong cầu lợi dưỡng. Khéo nhiếp hộ thân kia, Lắng sạch lìa trần cấu, Không não hại chúng sanh, Là đạo Bà-la-môn. Bấy giờ, các cậu bé Bà-la-môn tức giận, không vui, nói Tôn giả Ma-ha Ca- chiên-diên đã phỉ báng kinh điển họ, hủy báng những điều kinh nói, mạ nhục

Bà-la-môn. Nói xong họ ôm củi trở về chỗ Bà-la-môn Lỗ-hê-giá và nói với Lỗ-hê-giá: Thầy có biết chăng, ông Ma-ha Ca-chiên-diên hủy báng kinh điên mình, nói lời chê bai, nhục mạ Bà-la-môn? Bà-la-môn Lỗ-hê-giá nói với các đệ tử trẻ: Các con đừng nói vậy! Vì sao? Vì ngài Ma-ha Ca-chiên-diên đầy đủ giới đức, không lý nào hủy báng kinh điển, nói lời chê bai, mắng nhiếc Bà-la-môn. Các thiếu niên thưa: Thầy không tin lời chúng con thì cứ đến đó xem. Khi ấy, Bà-la-môn Lỗ-hê-giá không tin lời các trẻ nói, bèn đi đến chỗ Tôn giả Ma-ha Ca-chiên-diên, cùng nhau hỏi thăm xong, ngồi xuống một bên, nói

với Tôn giả Ma-ha Ca-chiên-diên: - Mấy chú đệ tử nhỏ của tôi có đến đây không? - Có đến! Họ có cùng ngài nói gì không? Có cùng nhau nói chuyện! Lỗ-hê-giá nói: Những lời ngài đã nói với họ, xin ngài có thể vì tôi lặp lại. Tôn giả Ma-ha Ca-chiên-diên liền nói lại đầy đủ, Bà-la-môn Lỗ-hê-giá nghe xong cũng tức giận, tâm không vui, nói với Tôn giả Ca-chiên-diên: Trước đây tôi không tin lời của trẻ nhỏ, bây giờ thì đúng là ngài phỉ báng kinh điển tôi, chê bai, nhục mạ Bà-la-môn. Ngừng một lát, ông lại nói với Tôn giả Ca-chiên-diên: Ngài nói về căn môn. Thế nào là căn môn? Tôn giả Ma-ha Ca-chiên-diên đáp: Lành thay! Lành thay! Bà-la-môn, ông hỏi đúng pháp. Tôi sẽ nói cho ông nghe về căn môn. Này Bà-la-môn, mắt là cửa vì để thấy sắc; tai, mũi, lưỡi, thân, ý là cửa vì để biết pháp. Bà-la-môn nói: Lạ thay! Ma-ha Ca-chiên-diên, tôi hỏi về cửa, ngài liền nói về cửa. Đúng như lời ngài đã nói, không giữ gìn cửa, thế nào là không giữ gìn cửa, thưa ngài? Tôn giả Ma-ha Ca-chiên-diên nói: Lành thay! Lành thay! Bà-la-môn? ong hỏi về không giữ gìn cửa, câu hỏi đúng như pháp, tôi sẽ nói cho ông nghe về không giữ gìn cửa. Này Bà-la-môn? phàm phu ngu si vô học, mắt thấy sắc rồi, với sắc đáng nhớ thì khởi tâm duyên theo, dính mắc, với sắc không đáng nhớ thì khởi lòng sân hận, không tu tập

KINH TẠPA-HÀM 205

thân niệm xứ... đối với tâm giải thoát, tuệ giải thoát không biết như thật; đối với những thứ đó khởi các pháp ác bất thiện, không được diệt sạch; đối với tâm giải thoát, tuệ giải thoát bị trở ngại, không được đầy đủ. Vì tâm giải thoát, tuệ giải thoát không được đầy đủ nên thân đầy những ác hạnh, không được dừng nghỉ, tâm không tịch tĩnh. Vì không tịch tĩnh nên đối với căn môn không điều phục, không gìn giữ, không tu tập được. Mắt và sắc, tai và tiếng, mũi và mùi, lưỡi và vị? thân và xúc, ý và pháp cũng lại như vậy. Bà-la-môn Lỗ-hê-giá nói: Lạ thay! Lạ thay! Tôn giả Ma-ha Ca-chiên-diên9 tôi hỏi về không giữ gìn cửa, ngài liên vì tôi nói vê không giữ gìn cửa. Thưa Tôn giả Ma-ha Ca-chiên- diên5 thế nào gọi là khéo giữ gìn cửa? Tôn giả Ma-ha Ca-chiên-diên nói: Lành thay! Lành thay! Ông hỏi ta về nghĩa khéo giữ gìn cửa. Hãy lắng nghe, khéo suy nghĩ, ta sẽ nói cho ông nghe vê nghĩa khéo giữ gìn cửa. Đa văn Thánh đệ tử mắt thấy sắc rồi? đối với sắc đáng nhớ, không khởi tâm duyên theo, dính mắc; đoi với sắc không đáng nhớ, không khởi lòng sân hận, thường nhiếp phục tâm mình, trụ thân niệm xứ, vô lượng tâm giải thoát, tuệ giải thoát, biết như thật; đối với các pháp bất thiện đã khởi kia, vắng lặng, dứt sạch không còn sót, đôi với tâm giải thoát, tuệ giải thoát, được đây đủ, đã giải thoát đây đủ. Những ác hạnh của thân xúc, đều được dừng nghỉ, tâm được chánh niệm. Đó gọi là cửa thứ nhất, khéo điều phục, gìn giữ, tu tập. Mắt và sắc5 tai và tiếng, mũi và mùi, lưỡi và vị9 thân và xúc, ý và pháp cũng lại như vậy. Bà-la-môn Lỗ-hê-giá nói: Lạ thay! Lạ thay! Tôn giả Ma-ha Ca-chiên-diên, tôi hỏi về nghĩa gìn giữ cửa, ngài liên vì tôi nói vê nghĩa gìn giữ cửa. Giông như người đi tìm cây thuôc độc lại được cam lộ. Nay tôi cũng như vậy, đem lòng sân, si đi đến ngồi đây, lại được ngài đem mưa pháp rưới mát thân tôi như mưa cam lộ. Thưa Tôn giả Ma-ha Ca-chiên-diên9 tôi bận nhiều việc xin cáo từ. Tôn giả Ma-ha Ca-chiên-diên nói: Bà-la-môn, nên biết đúng thời! Khi ấy, Bà-la-môn Lỗ-hê-giá nghe Tôn giả Ma-ha Ca-chiên-diên nói xong, vui vẻ ra về.

KINH SỐ 256

Tôi nghe như vầy:

Một thời, Phật trú tại thành Vương Xá, trong Vườn Trúc Ca-lan-đà.

Bấy giờ, Tôn giả Xá-lợi-phất và Tôn giả Ma-ha Câu-hy-la cùng ở núi Kỳxà quật.

Nguồn: Giảng Sư (giangsu.io.vn) — văn bản trích từ kho sách cổ và kinh điển.